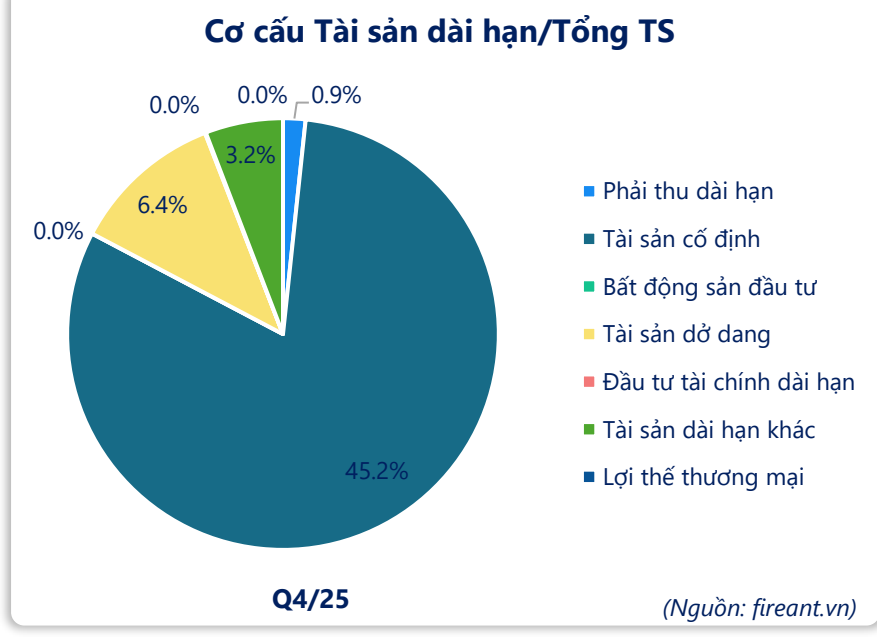
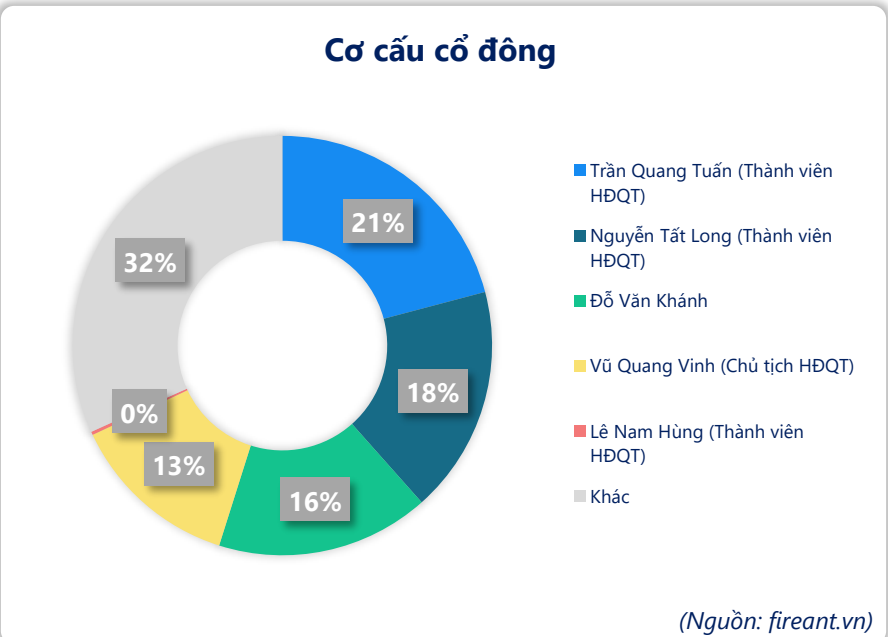
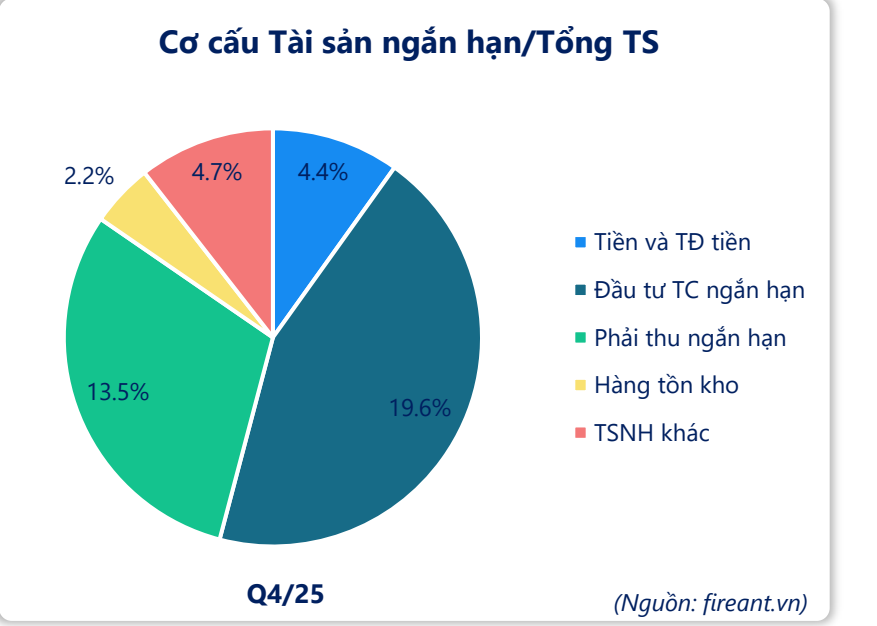
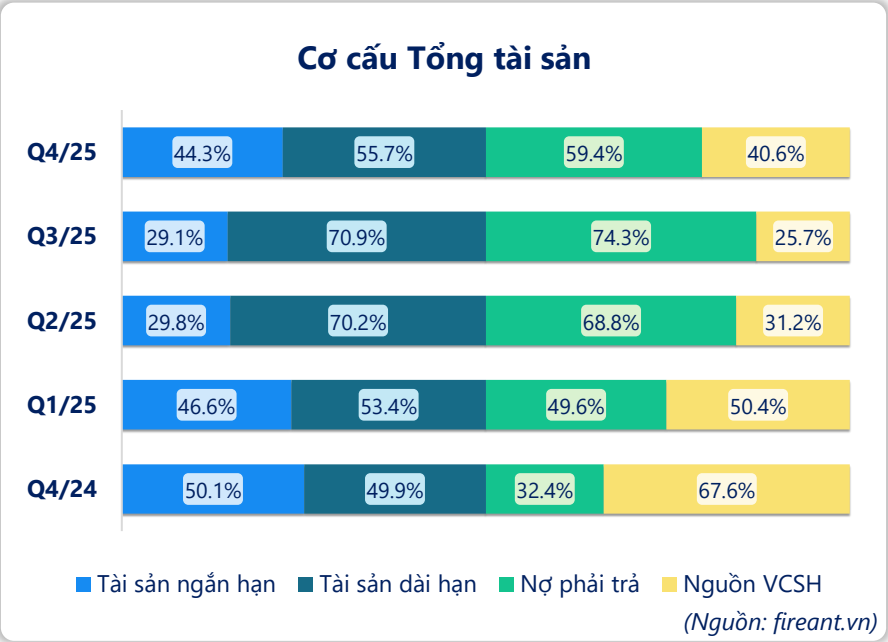
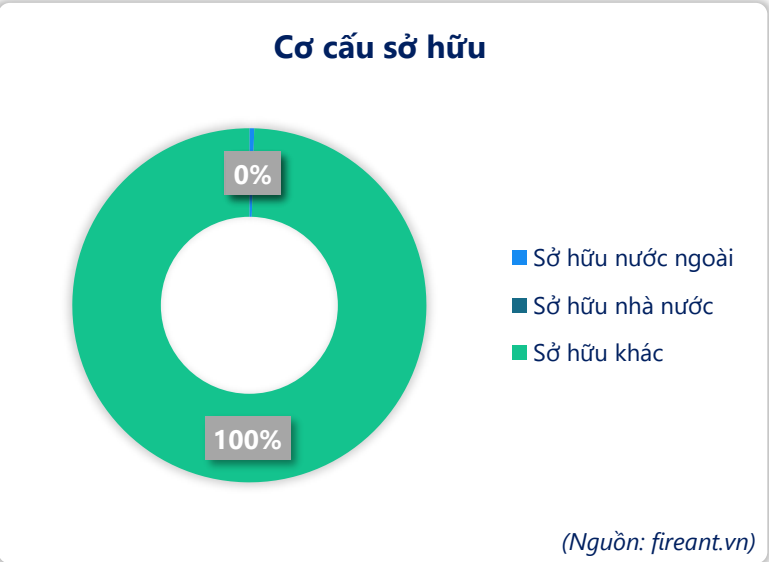
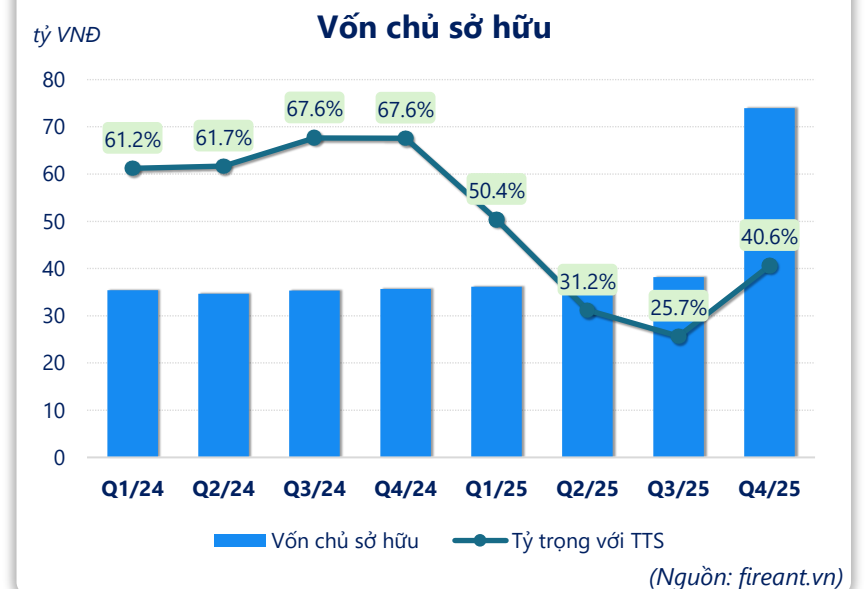
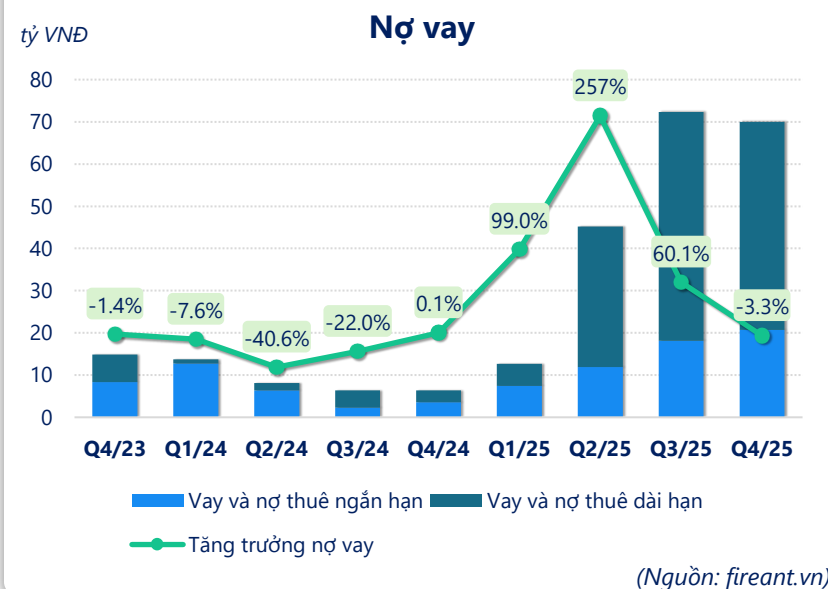
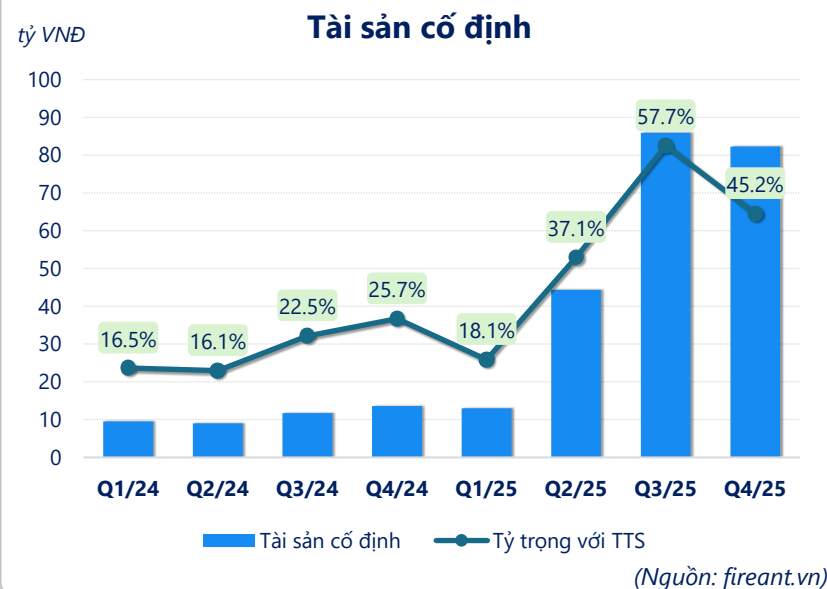
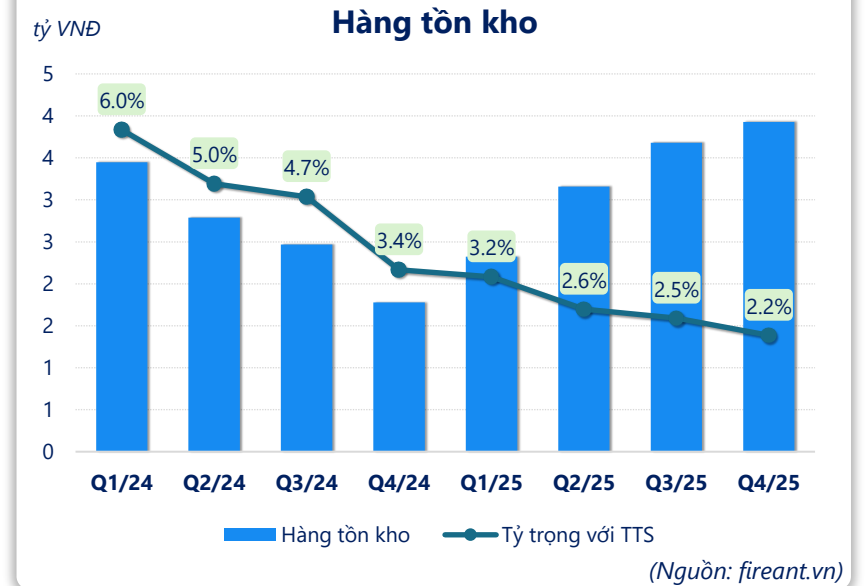
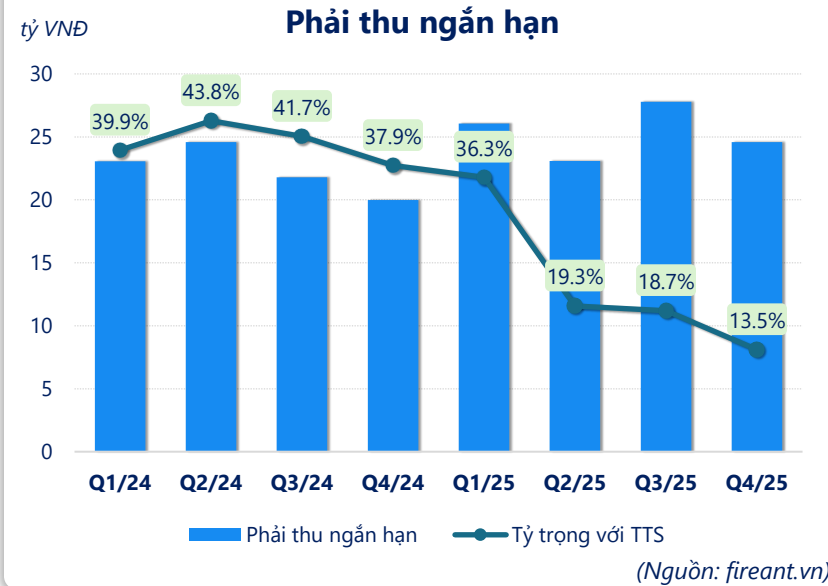
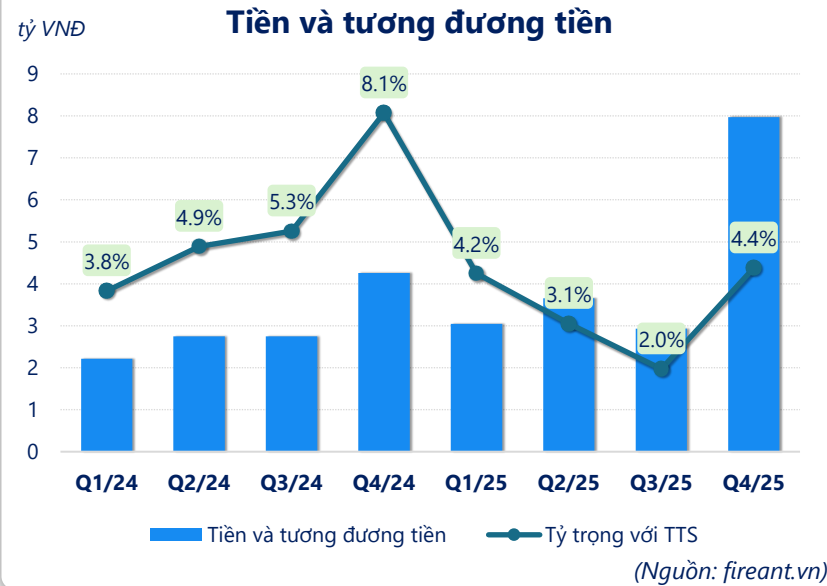
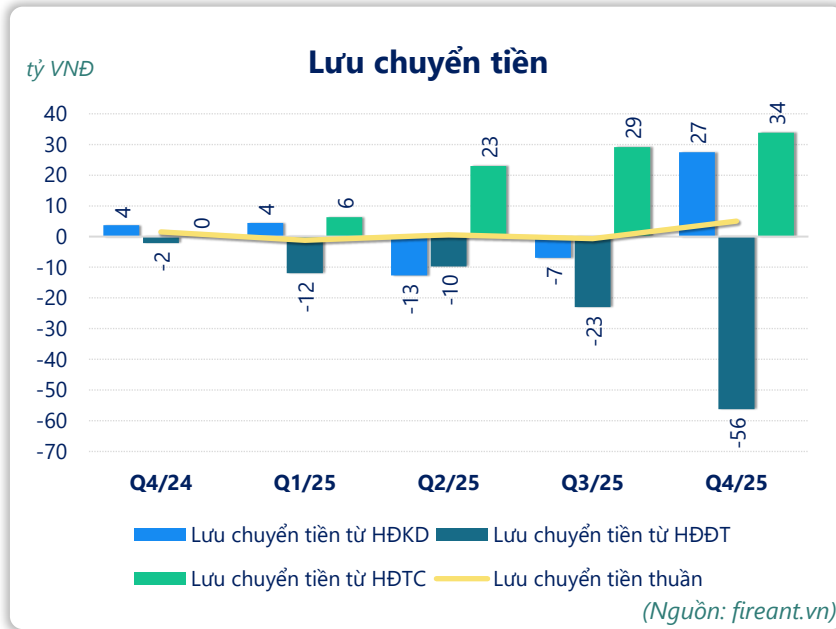
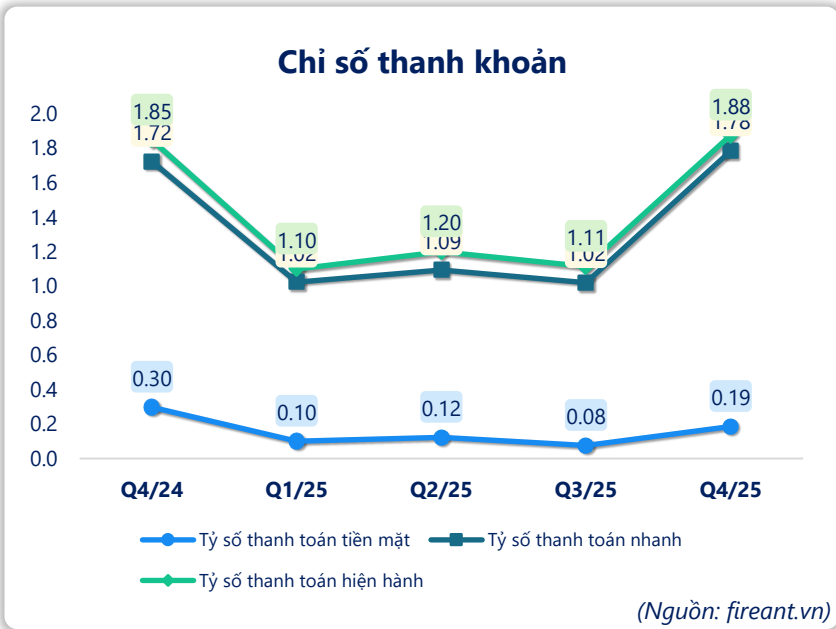
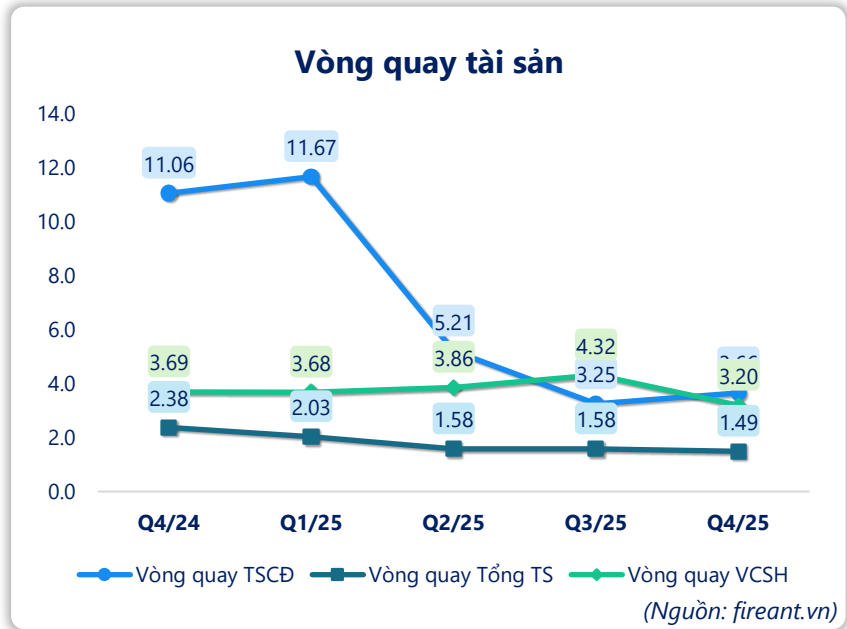
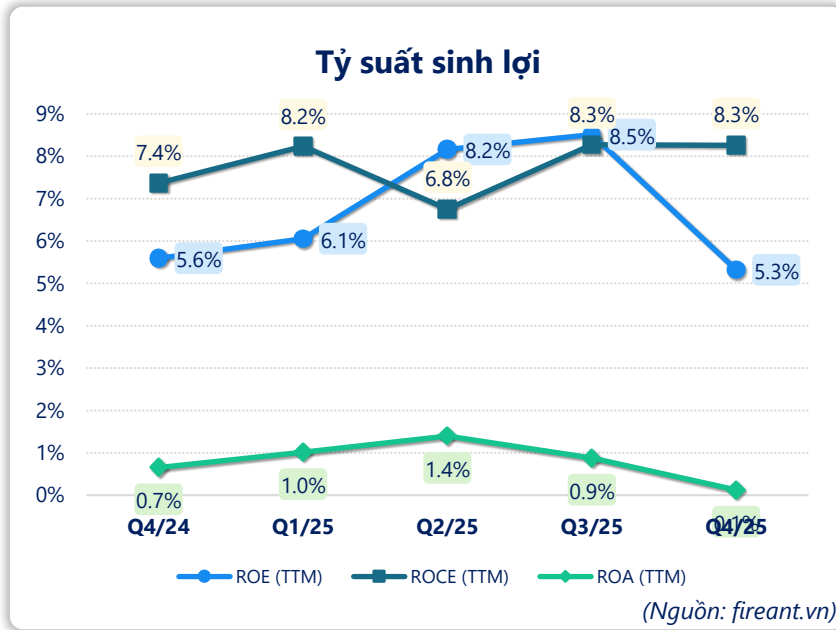
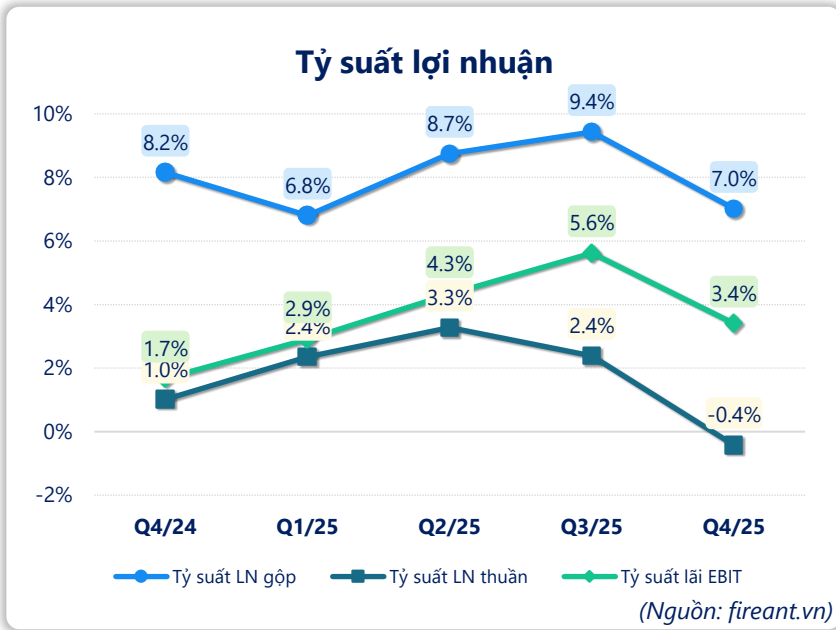
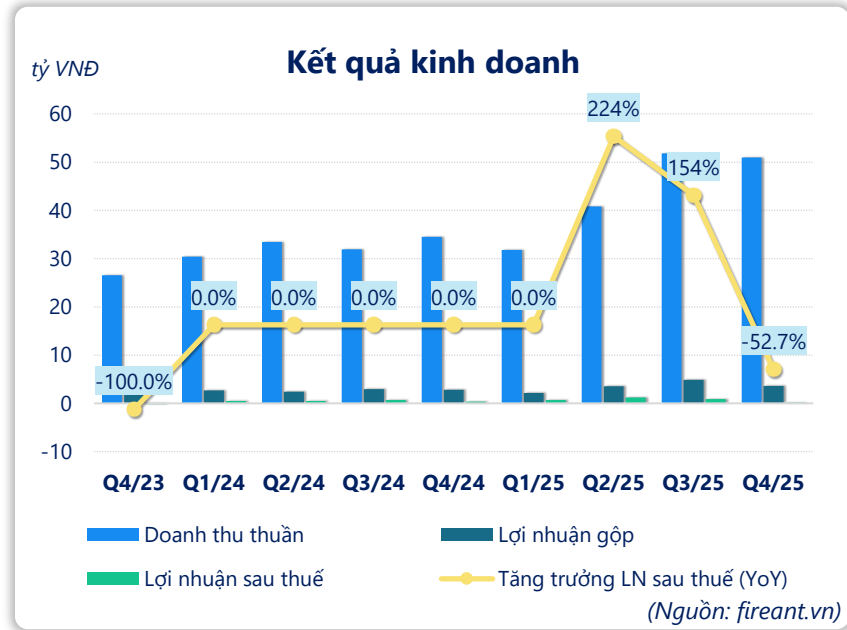


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,549
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,809
SL cổ phiếu LH		6,199,698
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,865
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		76
P/E		26.1
EPS		470

	YTD	1T	3T	6T
PRC	96.7%	-7.5%	-17.8%	-18.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	182	52.8	245%
Tài sản ngắn hạn	80.6	26.5	205%
Tiền và tương đương tiền	7.97	4.26	87.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.6	0	
Phải thu ngắn hạn	24.6	20.0	22.8%
Hàng tồn kho	3.93	1.78	121%
Tài sản ngắn hạn khác	8.49	0.42	1903%
Tài sản dài hạn	102	26.3	285%
Phải thu dài hạn	1.71	0	
Tài sản cố định	82.3	13.6	507%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.6	11.6	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.07	0.07	0.0%
Tài sản dài hạn khác	5.91	1.15	413%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	108	17.1	531%
Nợ ngắn hạn	43.0	14.9	189%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.7	4.09	407%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	7.01	123%
Nợ dài hạn	65.2	2.27	2770%
Vay và nợ thuê dài hạn	49.2	2.27	2068%
Nguồn vốn chủ sở hữu	74.0	35.7	107%
Vốn chủ sở hữu	74.0	35.7	107%
Vốn điều lệ	62.0	12.0	417%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	34.5	31.8	40.8	51.8	51.0
Giá vốn hàng bán	31.7	29.6	37.2	46.9	47.4
Lợi nhuận gộp	2.82	2.16	3.57	4.89	3.57
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.12	0.10	0.43	1.58	1.54
Chi phí lãi vay	0.12	0.10	0.21	1.58	1.54
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.40	0.32	0.31	0.24	0.36
Chi phí QLDN	1.95	1.00	1.49	1.84	1.90
LN thuần từ HĐKD	0.35	0.75	1.34	1.24	-0.22
Lợi nhuận khác	0.11	0.08	0.22	0.10	0.41
LN trước thuế	0.46	0.83	1.55	1.33	0.20
Lợi nhuận sau thuế	0.36	0.66	1.23	0.89	0.15
LNST của CĐ cty mẹ	0.36	0.66	1.23	0.89	0.15

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.66	4.46	-12.6	-6.94	27.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.15	-12.0	-9.72	-23.0	-56.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.01	6.30	23.0	29.2	33.8
Tiền đầu kỳ	2.75	4.26	3.05	3.66	2.93
Lưu chuyển tiền thuần	1.51	-1.21	0.61	-0.72	5.04
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.26	3.05	3.66	2.93	7.97

(Nguồn: fireant.vn)